

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)

Số/ No: 04062602/KQ

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒ THỊ ĐỒNG THÁP**
 Địa chỉ/ Address : Số 01 Tôn Đức Thắng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
 Loại mẫu/ Type of sample : Nước sạch
 Tên mẫu/ Name of sample : Nhà máy nước mặt Tân Dương (Trạm cấp nước Lai Vung) - Xã Tân Dương, tỉnh Đồng Tháp
 Mã số mẫu/ Code of sample : **040626-018**
 Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu nước trong, đựng trong 1 can nhựa 5,0L và 2 chai thủy tinh 0,5L
 Số lượng/ Quantity : 01 mẫu
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : 04/06/2026 Ngày trả kết quả/ Date of result : 14/06/2026

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Kết quả (Result)	QCĐP 01 :2023/ĐT
				040626-018	
1.	(a) Coliform tổng số	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	<1(*)	<3
2.	(a) <i>E.coli</i>	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	<1(*)	<1
3.	(a) Clo dư tự do	mg/L	SMEWW 4500-C1.G: 2023	0,65	0,2 – 1,0
4.	(a) Độ đục	NTU	SMEWW 2130:2023	KPH (LOD = 0,12)	2
5.	(a) Màu sắc	TCU	TCVN 6185:2015	< 9 (LOQ = 9)	15
6.	(a) Mùi, vị	--	HDPT-N.03:2023 (Ref SMEWW 2150:2023), (Ref SMEWW 2160:2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7.	(a) pH	--	TCVN 6492: 2011	7,38	6,0 – 8,5
8.	(a) Trục khuẩn mũ xanh (<i>Pseudomonas aeruginosa</i>)	CFU/100mL	TCVN 8881 :2011	<1(*)	<1
9.	(a) Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1 :1996	< 0,1 (LOQ = 0,1)	0,3
10.	(a) Bor tính chung cho cả Borat và axit Boric (B)	mg/L	SMEWW 3125B:2023	KPH (LOD = 0,05)	0,3
11.	(a) Bari (Ba)	mg/L	SMEWW 3125B :2023	KPH (LOD = 0,03)	0,7
12.	(a) Chỉ số Pecmanganat	mg/L	TCVN 6186 :1996	< 1,5 (LOQ = 1,5)	2

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**

Số/ No: 04062602/KQ

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Kết quả (Result)	QCĐP 01 :2023/ĐT
				040626-018	
13.	(a) Chloride (Cl ⁻)	mg/L	TCVN 6194: 1996	20,6	250
14.	(a) Đồng (Cuprum) (Cu)	mg/L	SMEWW 3125B :2023	KPH (LOD = 0,003)	1
15.	(a) Độ cứng, tính theo CaCO ₃	mg/L	TCVN 6224:1996	118	300
16.	(a) Fluor (F ⁻)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	0,13	1,5
17.	(a) Kẽm (Zincum) (Zn)	mg/L	SMEWW 3125B :2023	KPH (LOD = 0,02)	2
18.	(a) Mangan (Mn)	mg/L	SMEWW 3125B :2023	KPH (LOD = 0,02)	0,1
19.	(a) Natri (Na)	mg/L	TCVN 6665 :2011	< 5 (LOQ = 5)	200
20.	(a) Nhôm (Aluminum) (Al)	mg/L	SMEWW 3125B :2023	KPH (LOD = 0,03)	0,2
21.	(a) Nitrat / (NO ₃ ⁻ tính theo N)	mg/L	TCVN 6180:1996	< 0,15 (LOQ = 0,15)	2
22.	(a) Nitrit/ (NO ₂ ⁻ tính theo N)	mg/L	TCVN 6178: 1996	< 0,05 (LOQ = 0,05)	0,05
23.	(a) Sắt (Ferrum) (Fe)	mg/L	TCVN 6177: 1996	< 0,15 (LOQ = 0,15)	0,3
24.	(a) Sunfat (Sulfate) (SO ₄ ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ E:2023	< 10 (LOQ = 10)	250
25.	(a) Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540C: 2023	186	1000
26.	(a) Monochlorobenzene	µg/L	US EPA Method 8270E:2018	KPH (LOD = 17)	300
27.	(a) Chlorpyrifos	µg/L	US EPA Method 525.3:2012	KPH (LOD = 1)	30
28.	(a) Cyanazine	µg/L	US EPA Method 525.3:2012	KPH (LOD = 0,03)	0,6
29.	(a) DDT và các dẫn xuất	µg/L	US EPA Method 1699:2007	KPH (LOD = 0,03)	1
30.	(a) Hydroxyatrazine	µg/L	US EPA Method 525.3: 2012	KPH (LOD = 16,7)	200
31.	(a) Bromodichloromethane	µg/L	US EPA Method 524.4:2013	KPH (LOD = 3,3)	60
32.	(a) Chloroform	µg/L	US EPA Method 501.3:1997	KPH (LOD = 16,7)	300

TRỤ SỞ CHÍNH
781/13/3A Lạc Long Quân, phường Bảy Hiền, Tp.HCM
Hotline: 0914949539
Email: info@bienduc.com
Web: www.bienduc.com

CN ĐÀ NẴNG
06, Hoài Thanh, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng
Hotline: 0914949774
Email: cndanang@bienduc.vn

CN HÀ NỘI
Nhà vườn 5, Tổng cục 5 Bộ công an, Yên Xá, Thanh Liệt, Hà Nội
Hotline: 0916949490
Email: cnhanoi@bienduc.vn



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)

Số/ No: 04062602/KQ

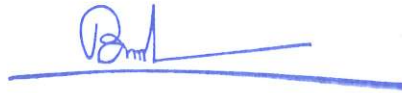
TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Kết quả (Result)	QCĐP 01 :2023/ĐT
				040626-018	
33.	(a) Dibromochloro methane	µg/L	US EPA Method 524.4:2013	KPH (LOD = 3,3)	100

Nhân xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu phân tích đạt yêu cầu Quy chuẩn kỹ thuật địa phương QCĐP 01: 2023/ĐT. /The water sample had parameters which met the requirements of the Local Technical Regulation QCĐP 01: 2023/ĐT

Ghi chú/Notes:

- (*) Kết quả được biểu thị "<1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra. /Results expressed as "<1 CFU" are considered as "no target microorganisms detected" on the test sample volume.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the analysis sample only.
- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả, ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh/ Sample is stored 7 days after reased the test results, except for microbiological criteria.
- KPH: Không phát hiện/ Not detected; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp/ Limit of detection; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/Limit of quantitation;
- QCĐP 01: 2023/ĐT: Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. /Local Technical Regulation on domestic water quality in Dong Thap province;
- Phòng thí nghiệm đã được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm (317/TN-TĐC)/ The Testing Lab is granted a Certificate of Registration for Testing Activities (317/TN-TĐC) by the Ministry of Science and Technology;
- (a): Phương pháp đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng quốc gia (BOA) – Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 599)/ Method is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation – Viet Nam (Vilas 599).

Trưởng phòng dịch vụ phân tích
(Head of analytical services)



Nguyễn Đoàn Bình

KT. Tổng Giám đốc/ PP.Director
Phó Tổng Giám đốc/ Vice Director



Phan Duy Hưng

BIEN DUC SCIENTIFIC

TRỤ SỞ CHÍNH
781/13/3A Lạc Long Quân, phường Bảy Hiền, Tp.HCM
Hotline: 0914949539
Email: info@bienduc.com
Web: www.bienduc.com

CN ĐÀ NẴNG.....
06, Hoài Thanh, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng
Hotline: 0914949774
Email: cndanang@bienduc.vn

CN HÀ NỘI.....
Nhà vườn 5, Tổng cục 5 Bộ công an, Yên Xá, Thanh Liệt, Hà Nội
Hotline: 0916949490
Email: cnhanoi@bienduc.vn

